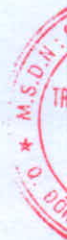


**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP
VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 29

011
ÔNG
H NHIỆ
DELO
IỆT
ĐA -

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trọng Kha	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Đông	Ủy viên
Ông Hồ Sỹ Hoàng	Ủy viên
Ông Mai Xuân Bình	Ủy viên
Ông Ngô Văn Tuy	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2013)
Ông Nguyễn Duy Hưng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2013)

Ban Giám đốc

Ông Hồ Sỹ Hoàng	Giám đốc
Ông Hà Quốc Hải	Phó Giám đốc
Ông Lê Minh Hải	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Giám đốc
Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Giám đốc
Ông Nghiêm Trung Minh	Phó Giám đốc
Ông Ngô Văn Tuy	Phó Giám đốc
Ông Phùng Văn Công	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 

Hồ Sỹ Hoàng
Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2013



Số: 370 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 8 năm 2013, từ trang 4 đến trang 29. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

- Như trình bày tại Thuyết minh số 6 và 7 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có các khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí, Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí và Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất với số tiền tổng cộng khoảng 61 tỷ đồng. Công ty chưa thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng phải thu cho các khoản phải thu này. Với các bằng chứng thu thập được, chúng tôi không đánh giá được khả năng thu hồi cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập đối với các khoản phải thu nêu trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.
- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty đang theo dõi chi phí thi công Công trình Mở rộng Khách sạn Đà Lạt và Công trình Chung cư 34 tầng Trung tâm Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng trên khoản mục Hàng tồn kho với số tiền tổng cộng là 12 tỷ đồng. Công ty chưa thực hiện đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được và trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho các công trình này. Với các bằng chứng thu thập được, chúng tôi không đánh giá được giá trị thuần có thể thực hiện được và dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập đối với các công trình nêu trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.
- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty chưa thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam. Theo đánh giá của Ban Giám đốc và kết quả kiểm tra của chúng tôi, dự phòng đầu tư tài chính cần trích lập với số tiền khoảng 2,1 tỷ đồng. Nếu Công ty ghi nhận khoản dự phòng đầu tư tài chính này, lỗ trước thuế sẽ tăng lên 2,1 tỷ đồng và nguồn vốn chủ sở hữu sẽ bị giảm đi 2,1 tỷ đồng.

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính hợp nhất vấn đề sau:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 2 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, công nợ ngắn hạn phải trả vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền khoảng 89 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 khoảng 93,5 tỷ đồng), lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty âm với số tiền khoảng 111 tỷ đồng, đây là những dấu hiệu cho thấy khả năng thanh toán các khoản công nợ đến hạn của Công ty có thể gặp khó khăn. Kế hoạch của Ban Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày trong Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm những điều chỉnh cần thiết do ảnh hưởng của vấn đề không chắc chắn nêu trên.



Vũ Đức Nguyên
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

*Ngày 27 tháng 8 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

Đỗ Trung Kiên
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1924-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

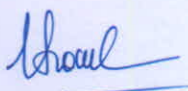
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		381.207.828.681	473.768.973.473
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.667.641.053	78.206.835.985
1. Tiền	111		2.667.641.053	23.206.835.985
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	55.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		200.128.556.901	234.906.300.997
1. Phải thu khách hàng	131	6	219.341.440.168	222.691.525.743
2. Trả trước cho người bán	132		4.441.435.046	5.476.490.834
3. Các khoản phải thu khác	135	7	14.909.124.595	15.772.404.422
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(38.563.442.908)	(9.034.120.002)
III. Hàng tồn kho	140	8	164.924.719.462	157.618.609.100
1. Hàng tồn kho	141		164.924.719.462	157.618.609.100
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.486.911.265	3.037.227.391
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		291.769.919	299.734.874
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.014.309.451	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		344.934.514	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.835.897.381	2.737.492.517
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		436.874.324.111	440.704.724.702
I. Tài sản cố định	220		372.408.466.211	370.208.463.225
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	63.984.456.563	70.629.381.809
- Nguyên giá	222		120.655.264.448	134.893.710.292
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.670.807.885)	(64.264.328.483)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	308.424.009.648	299.579.081.416
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		15.491.864.726	15.543.898.546
1. Đầu tư dài hạn khác	258	11	15.890.000.000	15.890.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	11	(398.135.274)	(346.101.454)
III. Tài sản dài hạn khác	260		48.973.993.174	54.952.362.931
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	48.973.993.174	54.952.362.931
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		818.082.152.792	914.473.698.175

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

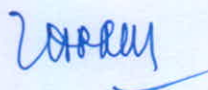
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		481.730.663.164	575.225.317.288
I. Nợ ngắn hạn	310		470.261.150.657	567.312.423.260
1. Vay ngắn hạn	311	13	123.613.601.505	92.180.433.000
2. Phải trả người bán	312	14	142.554.003.899	126.371.508.880
3. Người mua trả tiền trước	313	15	148.239.388.420	287.187.357.545
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	318.104.779	4.555.867.057
5. Phải trả người lao động	315		8.828.946.007	6.700.377.861
6. Chi phí phải trả	316	17	9.078.288.172	11.976.453.979
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	36.507.683.068	37.971.979.569
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.121.134.807	368.445.369
II. Nợ dài hạn	330		11.469.512.507	7.912.894.028
1. Dự phòng phải trả dài hạn	337	19	11.469.512.507	7.912.894.028
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		328.218.250.722	330.288.527.529
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	328.218.250.722	330.288.527.529
1. Vốn điều lệ	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.281.198.825	7.750.519.081
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.403.961.898	7.189.534.436
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.533.089.999	15.348.474.012
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	21	8.133.238.906	8.959.853.358
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		818.082.152.792	914.473.698.175

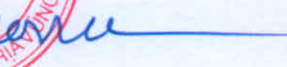


Nguyễn Thị Hoan
Người lập biểu



Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng




Hồ Sỹ Hoàng
Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	253.990.816.085	402.441.228.764
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.142.440	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		253.989.673.645	402.441.228.764
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	207.367.615.710	357.330.408.901
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		46.622.057.935	45.110.819.863
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	301.488.504	4.497.695.558
7. Chi phí tài chính	22	25	5.184.801.564	16.292.606.361
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.132.767.744	15.159.397.936
8. Chi phí bán hàng	24		626.099.627	713.225.241
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		46.069.064.346	27.377.284.865
10. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		(4.956.419.098)	5.225.398.954
11. Thu nhập khác	31		5.036.848.317	1.531.759.626
12. Chi phí khác	32		1.889.494.678	298.344.600
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	26	3.147.353.639	1.233.415.026
14. Tổng (Lỗ)/Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(1.809.065.459)	6.458.813.980
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	1.895.478.980
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(269.025.484)
17. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(1.809.065.459)	4.832.360.484
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(826.614.452)	(357.397.328)
17.2. Lợi ích của cổ đông Công ty mẹ	62		(982.451.007)	5.189.757.812
18. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(33)	173

Hoan

Nguyễn Thị Hoan
 Người lập biểu

Ngày 27 tháng 8 năm 2013

Hoàng

Lê Ngọc Hoàng
 Kế toán trưởng



Hoàng

Hồ Sỹ Hoàng
 Giám đốc

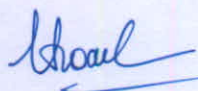
Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

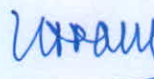
MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(1.809.065.459)	6.458.813.980
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.664.356.195	5.576.029.592
Các khoản dự phòng	03	29.581.356.726	1.133.208.425
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.460.466.104)	(4.497.695.558)
Chi phí lãi vay	06	5.132.767.744	15.159.397.936
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	35.108.949.102	23.829.754.375
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(5.411.157.592)	74.938.704.934
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(7.306.110.362)	8.546.360.206
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(133.781.479.080)	54.469.583.209
- Thay đổi chi phí trả trước	12	6.263.361.594	5.007.103.483
- Tiền lãi vay đã trả	13	(5.254.632.910)	(16.781.137.311)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(622.096.053)	(5.905.301.565)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	3.989.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(335.136.362)	(488.098.981)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(111.338.301.663)	143.620.957.350
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(116.240.000)	(5.538.098.132)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.997.569.389	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	52.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	484.608.837	4.507.695.558
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.365.938.226	50.969.597.426
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	122.496.150.045	187.350.616.771
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(91.062.981.540)	(377.292.168.218)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	-	(12.410.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	31.433.168.505	(202.351.551.447)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(75.539.194.932)	(7.760.996.671)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	78.206.835.985	38.361.108.824
Tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	2.667.641.053	30.600.112.153



Nguyễn Thị Hoan
Người lập biểu

Ngày 27 tháng 8 năm 2013



Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng




Hồ Sỹ Hoàng
Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500832971 ngày 26 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần là 300.000.000.000 đồng, được chia thành 30.000.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 587 người (tại 31 tháng 12 năm 2012 là 626 người).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có 01 công ty con như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật liệu xây dựng - PIC7	Vũng Tàu	53,68%	53,68%	Kinh doanh vật liệu xây dựng

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công nghiệp dân dụng;
- Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu, cảng, đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ;
- Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp, năng lượng, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh khu đô thị;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Gia công cơ khí.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đánh giá của Ban Giám đốc Công ty về khả năng tiếp tục hoạt động trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2013

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, công nợ ngắn hạn phải trả vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền khoảng 89 tỷ đồng, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty âm với số tiền khoảng 111 tỷ đồng, điều này gây nên sự lo ngại về khả năng tạo tiền của Công ty để thanh toán cho các khoản công nợ đến hạn. Khả năng thanh toán của Công ty trong vòng 12 tháng tới phụ thuộc vào việc Công ty có thể bán được các công trình/hạng mục công trình dở dang, khả năng thu hồi các khoản công nợ cũng như khả năng các tổ chức kinh tế, ngân hàng tiếp tục cung cấp các khoản tín dụng và khả năng huy động vốn từ các nhà đầu tư. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề không chắc chắn nêu trên. Kế hoạch của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này được trình bày dưới đây:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 13, tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có số dư hạn mức tín dụng còn lại tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu với số tiền khoảng 192 tỷ đồng, Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu với số tiền khoảng 113 tỷ đồng. Công ty có thể rút bất kỳ lúc nào phù hợp với điều khoản của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng của các Ngân hàng trên để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây lắp.
- Theo kế hoạch và các hợp đồng đã ký kết với khách hàng mua bất động sản thuộc Dự án Chung cư 242 Nguyễn Hữu Cảnh, tổng số tiền thu về từ dự án này dự kiến trong vòng 12 tháng tới là khoảng 90 tỷ đồng.
- Dự kiến tổng số tiền thu từ việc thi công các công trình trong 12 tháng tới theo các hợp đồng đã ký với Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro, Viện Dầu khí,... là khoảng 1.371 tỷ đồng.
- Công ty đang tìm kiếm các nguồn tài chính cần thiết khác để tự trang trải các khoản công nợ khi đến hạn.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2013. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản đầu tư tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty không có vật tư, hàng hóa tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	2012
	Số năm	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 12	10 - 12
Máy móc, thiết bị	3 - 15	3 - 10
Phương tiện vận tải	4 - 10	4 - 8
Thiết bị quản lý	3 - 10	3 - 10

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013, Ban Giám đốc Công ty mẹ đã thay đổi thời gian khấu hao của một số tài sản cố định hữu hình của Công ty mẹ. Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng tỷ lệ khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty mẹ. Việc thay đổi này làm cho chi phí khấu hao của Công ty trong kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2013 giảm với số tiền là 539.762.848 đồng.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản vốn góp vào các công ty cổ phần trong đó Công ty nắm giữ dưới 20% vốn điều lệ và các khoản đầu tư khác với thời hạn lớn hơn 01 năm. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định hiện hành có liên quan. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khác khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại thời điểm báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm lợi thế kinh doanh của các lô đất được góp vốn từ Công ty mẹ khi cổ phần hóa Công ty và giá trị công cụ, dụng cụ và linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các công cụ, dụng cụ và linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng nêu trên được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 2 - 3 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả phát sinh từ các ước tính kế toán dựa trên tỷ lệ lãi gộp dự toán của các công trình, phát sinh do chi phí tập hợp chưa đầy đủ tại ngày nghiệm thu khối lượng hoàn thành. Các khoản chi phí trích trước này sẽ đảm bảo rằng công trình được tập hợp đầy đủ chi phí trong trường hợp các phần công việc của công trình đã hoàn thành nhưng chưa được quyết toán với nhà thầu phụ. Việc trích trước chi phí công trình tuân theo các quy định hiện hành về kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	653.040.154	452.974.987
Tiền gửi ngân hàng	2.014.600.899	22.753.860.998
Các khoản tương đương tiền	-	55.000.000.000
	2.667.641.053	78.206.835.985

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	51.719.997.412	52.454.367.496
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	45.676.089.664	21.876.738.264
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	31.683.638.964	31.683.638.964
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	16.741.905.988	41.413.278.703
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	13.317.843.036	16.317.843.036
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch	13.223.326.772	13.223.326.772
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	11.879.300.967	5.513.615.500
Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	7.097.380.925	7.097.380.925
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	6.396.801.083	9.708.152.456
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	2.434.968.277	4.421.108.277
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	2.068.344.626	196.013.066
Trung tâm Ứng phó Sự cố Trần dầu Khu vực Miền Nam	2.000.000.000	7.421.290.000
Các đối tượng khác	15.101.842.454	11.364.772.284
	219.341.440.168	222.691.525.743

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	7.212.893.029	7.212.893.029
Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	3.268.873.511	3.268.873.511
Lãi dự thu	-	183.120.333
Phải thu khác	4.427.358.055	5.107.517.549
	14.909.124.595	15.772.404.422

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MÃ SỐ B 09-DN/HN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	14.760.004.165	15.020.608.870
Công cụ, dụng cụ trong kho	10.006.835	43.002.345
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	147.752.855.375	142.112.277.918
Hàng hóa	2.401.853.087	442.719.967
	<u>164.924.719.462</u>	<u>157.618.609.100</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	<u>164.924.719.462</u>	<u>157.618.609.100</u>

(i) Một số công trình đang thi công dở dang có giá trị lớn:

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công trình - Khu Du lịch Hồng Phúc, huyện Xuyên Mộc	52.955.883.086	56.896.021.106
Dự án chung cư xã Hiệp Bình Chánh	31.818.181.818	31.818.181.818
Công trình - Khu nhà mở rộng Trung tâm y tế VietsovPetro	12.329.803.920	8.629.847.933
Công trình - Nhà 34 tầng Trung tâm Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	10.983.568.225	8.272.211.868
Công trình - Mở rộng Khách sạn Đà Lạt	1.107.137.367	1.018.101.185
Công trình - Nhà làm việc Xí nghiệp khoan, Xí nghiệp vận tải và Trung tâm an toàn VietsovPetro	10.760.827.909	10.944.565.580
Công trình - Sửa chữa nhà A11 Viện Nghiên cứu Khoa học VietsovPetro	6.919.623.161	6.627.651.560
Công trình khác	20.877.829.889	17.905.696.868
	<u>147.752.855.375</u>	<u>142.112.277.918</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, ngoại trừ Công trình Mở rộng Khách sạn Đà Lạt và Công trình Chung cư 34 tầng Phú Mỹ Hưng có thể phát sinh lỗ tiềm tàng, các công trình do Công ty đang thi công đều có lợi nhuận (doanh thu dự kiến thu được lớn hơn chi phí dự toán của công trình hoặc doanh thu còn lại của hợp đồng lớn hơn các chi phí dự kiến phát sinh để hoàn thành công trình), theo đó, Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với các công trình đang thi công này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	18.094.843.621	89.350.367.224	15.513.376.044	11.935.123.403	134.893.710.292
- Mua sắm mới	-	77.400.000	-	38.840.000	116.240.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(7.078.952.685)	(3.162.833.629)	(2.842.041.065)	(13.083.827.379)
- Phân loại lại	-	(455.491.190)	-	(815.367.275)	(1.270.858.465)
Tại ngày 30/6/2013	18.094.843.621	81.893.323.349	12.350.542.415	8.316.555.063	120.655.264.448
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	4.440.122.277	39.928.428.421	12.945.295.107	6.950.482.678	64.264.328.483
- Trích vào chi phí	135.767.820	3.458.846.833	303.082.851	766.658.691	4.664.356.195
- Thanh lý, nhượng bán	-	(6.059.518.091)	(3.016.148.622)	(2.169.568.877)	(11.245.235.590)
- Phân loại lại	-	(375.841.574)	-	(636.799.629)	(1.012.641.203)
Tại ngày 30/6/2013	4.575.890.097	36.951.915.589	10.232.229.336	4.910.772.863	56.670.807.885
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2013	13.518.953.524	44.941.407.760	2.118.313.079	3.405.782.200	63.984.456.563
Tại ngày 31/12/2012	13.654.721.344	49.421.938.803	2.568.080.937	4.984.640.725	70.629.381.809

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 với số tiền là 4.294.965.694 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền là 10.474.063.529 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 13, toàn bộ tài sản cố định hữu hình của PIC 7 đã được PIC 7 sử dụng làm tài sản đảm bảo khoản vay từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tòa nhà số 33 đường 30/4, Thành phố Vũng Tàu	74.366.076.011	74.366.076.011
Chung cư 242 Nguyễn Hữu Cảnh, Thành phố Vũng Tàu	130.912.543.782	122.067.615.550
Cao ốc văn phòng 35D đường 30/4, Thành phố Vũng Tàu	1.298.466.005	1.298.466.005
Khu du lịch Thanh Bình Phường 10, Thành phố Vũng Tàu	101.846.923.850	101.846.923.850
Tổng cộng	308.424.009.648	299.579.081.416

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty (phát hành ngày 18 tháng 10 năm 2012), Công ty đã ghi giảm giá trị khoản mục Hàng tồn kho và ghi tăng giá trị khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đối với chi phí triển khai đầu tư các dự án Chung cư 242 Nguyễn Hữu Cảnh và Khu du lịch Thanh Bình với số tiền tổng cộng là 232.759.467.632 đồng (tại 31/12/2012 là 223.914.539.400 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 13, giá trị quyền sử dụng đất Khu du lịch Thanh Bình được Công ty sử dụng làm tài sản đảm bảo khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng các dự án nêu trên đều tạo ra lợi nhuận trong tương lai, do đó Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá đối với các dự án này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam (PV-PIPE)	13.000.000.000	13.000.000.000
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch	2.890.000.000	2.890.000.000
	15.890.000.000	15.890.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(398.135.274)	(346.101.454)
<i>Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch</i>	<i>(398.135.274)</i>	<i>(346.101.454)</i>
Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính dài hạn	15.491.864.726	15.543.898.546

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Ban Giám đốc đã xem xét khả năng suy giảm giá trị của các khoản đầu tư mà Công ty đang nắm giữ, ngoại trừ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam (PV Pipe) chưa được trích lập dự phòng với số tiền khoảng 2,1 tỷ đồng, các khoản đầu tư còn lại có dấu hiệu giảm giá đã được Công ty trích lập dự phòng tổn thất tài chính theo quy định.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Lợi thế kinh doanh (i)	43.536.700.000	43.536.700.000
Công cụ, dụng cụ, giàn giáo xuất dùng	5.379.898.674	11.399.647.942
Công cụ, dụng cụ khác	57.394.500	16.014.989
	48.973.993.174	54.952.362.931

(i) Lợi thế kinh doanh thể hiện giá trị tài sản nhận vốn góp từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 04 tháng 02 năm 2010 đã được Hội đồng Quản trị PVC phê duyệt tại Nghị quyết số 1138/NQXLDK ngày 30 tháng 12 năm 2009 về việc phê duyệt phương án xử lý đất đai phục vụ công tác chuyển đổi các công ty TNHH MTV của PVC sang công ty cổ phần. Tài sản nhận góp vốn bao gồm quyền sử dụng đất tại 3 thửa đất: Thửa đất số 11 tại đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu với diện tích là 5.104,4 m² có giá trị sau khi đánh giá lại là 15.313.200.000 đồng; thửa đất số 10 và 215 đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu với diện tích là 8.070,6 m² có giá trị sau khi đánh giá lại là 24.211.800.000 đồng; thửa đất số 108 tại 242 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu với diện tích là 4.011,7 m² có giá trị sau khi đánh giá lại là 4.011.700.000 đồng.

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty (phát hành ngày 18 tháng 10 năm 2012), trong kỳ, Công ty không thực hiện phân bổ các khoản lợi thế này do các dự án đầu tư các khu phức hợp Thương mại dịch vụ, xây dựng Văn phòng cho thuê, xây dựng căn hộ để kinh doanh... vẫn đang trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MÃ SỐ B 09-DN/HN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. VAY NGẮN HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	92.265.672.193	63.180.433.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu (ii)	12.025.340.873	29.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (iii)	19.322.588.439	-
	<u>123.613.601.505</u>	<u>92.180.433.000</u>

- (i) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu bao gồm:
- Khoản vay ngắn hạn của Công ty mẹ theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 448/2012/TD-MB-VTA và bảo lãnh số 807/2012/BL-MB-VTA ngày 07 tháng 11 năm 2012. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tối đa là 200.000.000.000 đồng. Khoản vay này có tài sản đảm bảo là doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên vay cam kết không hủy ngang việc chuyển 100% doanh thu từ các phương án Ngân hàng tài trợ và tối thiểu 50% doanh thu từ hoạt động kinh doanh về tài khoản khách hàng tại Ngân hàng. Lãi suất thả nổi, được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ, và được quy định cụ thể trong từng khế ước. Thời hạn duy trì khế ước là đến ngày 30 tháng 9 năm 2013.
 - Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật liệu Xây dựng - PIC7 (Công ty con của Công ty) theo Hợp đồng tín dụng, bảo lãnh hạn mức số 97/969704/TD-MB-VTA-NK ngày 04 tháng 7 năm 2012 cho mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay có hạn mức là 45.000.000.000 đồng, dư nợ tín dụng tối đa là 30.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cho từng giấy nhận nợ, khoản vay được bảo lãnh từ Công ty mẹ. Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu bao gồm:
- Khoản vay ngắn hạn của Công ty mẹ từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PG Bank) - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 30120/HDHM/DN ngày 24 tháng 8 năm 2012. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 200.000.000.000 đồng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Lãi suất thả nổi, được điều chỉnh theo quy định của PG Bank Vũng Tàu từng thời kỳ và được quy định cụ thể trong từng khế ước. Thời hạn duy trì khế ước là đến ngày 30 tháng 9 năm 2013.
 - Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật liệu Xây dựng - PIC7 (Công ty con của Công ty) từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng hạn mức ngắn hạn số 30121/HĐHM/DN ngày 24 tháng 8 năm 2012. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 30.000.000.000 đồng. Khoản vay này được bảo đảm là toàn bộ tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật liệu Xây dựng PIC7. Lãi suất được áp dụng cho từng Giấy nhận nợ.
- (iii) Thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2012/PVC-VCB và bảo lãnh số 2012/PVC/VCB ngày 06 tháng 4 năm 2012. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 70.000.000.000 đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất Khu du lịch Thanh Bình, thành phố Vũng Tàu. Lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ và cố định trong suốt thời hạn vay vốn. Thời hạn duy trì hạn mức là 02 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty TNHH Hồ Châu	14.866.236.983	7.946.979.719
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	7.459.604.837	7.459.604.837
Công ty TNHH Hồng Anh	6.922.685.410	-
Công ty Cổ phần Mai Thành	5.710.174.485	163.333.016
Công ty TNHH Tư Vấn Dịch vụ Thương mại Thanh Bình	5.525.976.034	5.525.976.034
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật liệu Xây dựng số 15	4.280.676.856	269.031.144
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại Dịch vụ Kỹ nghệ Việt	4.236.764.022	4.236.764.022
Các đối tượng khác	93.551.885.272	100.769.820.108
	142.554.003.899	126.371.508.880

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	124.281.632.728	265.268.936.981
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	5.623.682.138	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	1.667.742.597	1.667.742.597
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam - Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu	782.906.701	782.906.701
Các đối tượng khác	15.883.424.256	10.467.771.266
	148.239.388.420	287.187.357.545

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	3.927.377.442
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	277.161.539
Thuế thu nhập cá nhân	318.104.779	351.328.076
	318.104.779	4.555.867.057

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công trình - Nhà làm việc Xí nghiệp khai thác, Xí nghiệp Cơ điện - VSP	8.298.578.292	-
Công trình - Khu Du lịch Hồng Phúc	664.697.436	6.325.355.035
Công trình - Cao ốc hỗn hợp HH1 khu 5 tầng VSP	-	4.119.080.233
Công trình - Sửa chữa nhà A11 Viện Nghiên cứu Khoa học VSP	-	915.028.246
Công trình - Biệt thự sinh thái Cam Ranh	-	144.000.000
Công trình - Chung cư 242 Nguyễn Hữu Cảnh	-	121.253.480
Chi phí trích trước khác	115.012.444	351.736.985
	9.078.288.172	11.976.453.979



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (i)	33.814.243.656	33.814.243.656
Kinh phí công đoàn	865.191.512	1.504.782.016
Lãi vay dự trả	314.634.375	144.375.000
Phải trả, phải nộp khác	1.513.613.525	2.508.578.897
	36.507.683.068	37.971.979.569

(i) Thể hiện các khoản phải trả, bao gồm:

- Phải trả cổ tức năm 2010 và năm 2011 cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam với số tiền là tương ứng lần lượt là 19.420.000.000 đồng và 13.890.000.000 đồng.
- Các khoản phải trả khác là 504.243.656 đồng.

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	7.912.894.028	16.473.787.562
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	4.399.476.386	-
Hoàn nhập dự phòng	842.857.907	8.560.893.534
Số dư cuối kỳ	11.469.512.507	7.912.894.028

Các khoản dự phòng bảo hành công trình phản ánh ước tính của Ban Giám đốc về khoản nợ phải trả cho thời hạn bảo hành 24 tháng, mà Công ty áp dụng đối với các công trình Công ty đã hoàn thành trên cơ sở kinh nghiệm của Công ty về xác suất các công trình gặp phải sự cố sau thời điểm nghiệm thu bàn giao.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	300.000.000.000	7.750.519.081	7.045.926.437	17.435.736.638	332.232.182.156
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	8.421.155.387	8.421.155.387
Tạm chia cổ tức	-	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	143.607.999	(1.508.418.013)	(1.364.810.014)
Tại ngày 01/01/2013	300.000.000.000	7.750.519.081	7.189.534.436	15.348.474.012	330.288.527.529
(Lỗ) trong kỳ	-	-	-	(982.451.007)	(982.451.007)
Trích lập các quỹ (i)	-	1.530.679.744	3.214.427.462	(4.745.107.206)	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.087.825.800)	(1.087.825.800)
Tại ngày 30/6/2013	300.000.000.000	9.281.198.825	10.403.961.898	8.533.089.999	328.218.250.722

(i) Theo Nghị quyết số 47/NQ-CNDD-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013, Đại hội đồng Cổ đông Công ty mẹ đã thông qua phương án trích lập bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 1.087.825.800 đồng; Quỹ dự phòng tài chính với số tiền là 3.214.427.462 đồng và Quỹ đầu tư phát triển với số tiền 1.530.679.744 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MÃU SỐ B 09-DN/HN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 300.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ	Vốn đã góp đến ngày	
			30/6/2013	31/12/2012
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	153.000.000.000	51%	153.000.000.000	153.000.000.000
Các cổ đông khác	147.000.000.000	49%	147.000.000.000	147.000.000.000
	300.000.000.000	100%	300.000.000.000	300.000.000.000

21. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại công ty con được xác định theo tỷ lệ vốn góp thực tế là 46,32%.

Biến động lợi ích cổ đông thiểu số trong kỳ như sau:

	Vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	8.800.000.000	-	2.477.941.950	11.277.941.950
Lợi nhuận trong năm	-	-	(887.853.237)	(887.853.237)
Trích lập các quỹ	-	123.897.098	(123.897.098)	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	(198.235.355)	(198.235.355)
Chia cổ tức	-	-	(1.232.000.000)	(1.232.000.000)
Tại ngày 01/01/2013	8.800.000.000	123.897.098	35.956.260	8.959.853.358
(Lỗ) trong kỳ	-	-	(826.614.452)	(826.614.452)
Tại ngày 30/6/2013	8.800.000.000	123.897.098	(790.658.192)	8.133.238.906

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Trong kỳ, Công ty chủ yếu cung cấp dịch vụ thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, các loại hình kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10%). Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh.

Doanh thu - Giá vốn theo lĩnh vực kinh doanh cụ thể như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	231.132.892.462	386.290.294.021
Doanh thu hoạt động cung cấp bê tông và dịch vụ khác	4.846.978.091	6.979.256.361
Doanh thu cung cấp vật tư	18.010.945.532	9.171.678.382
	253.990.816.085	402.441.228.764

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	189.495.362.648	348.060.393.251
Giá vốn hoạt động cung cấp bê tông và dịch vụ khác	1.206.544.453	6.199.179.583
Giá vốn hoạt động cung cấp vật tư	16.665.708.609	3.070.836.067
	207.367.615.710	357.330.408.901

Các công trình của Công ty chủ yếu được thi công trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tỉnh Đồng Nai.

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	138.069.004.068	270.739.363.081
Chi phí nhân công	42.088.793.734	71.336.913.945
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.664.356.195	5.576.029.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.225.307.932	11.076.348.526
Chi phí khác	44.618.310.871	6.856.574.056
	233.665.772.800	365.585.229.200

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	301.488.504	4.497.695.558
	301.488.504	4.497.695.558

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.132.767.744	15.159.397.936
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	52.033.820	1.133.208.425
	5.184.801.564	16.292.606.361

01125
 CÔNG
 H NHIỆM
 ELOI
 TẾT N
 ĐA -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MÃ SỐ B 09-DN/HN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. LỢI NHUẬN KHÁC

	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>	<u>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</u>
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản sản cố định	3.997.569.389	169.112.701
Hoàn nhập dự phòng các công trình hết thời gian bảo hành	651.696.127	1.275.960.250
Thu nhập khác	387.582.801	86.686.675
Cộng	5.036.848.317	1.531.759.626
Chi phí khác		
Giá trị còn lại tài sản sản cố định thanh lý	1.838.591.789	169.112.701
Chi phí khác	50.902.889	129.231.899
Cộng	1.889.494.678	298.344.600
Lợi nhuận khác	3.147.353.639	1.233.415.026

27. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán (lỗ)/lãi trên cổ phiếu cơ bản cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>	<u>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(982.451.007)	5.189.757.812
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	30.000.000	30.000.000
(Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)/Cổ phiếu	(33)	173

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay và nợ như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Các khoản vay	123.613.601.505	92.180.433.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.667.641.053	78.206.835.985
Nợ thuần	120.945.960.452	13.973.597.015
Vốn chủ sở hữu	<u>328.218.250.722</u>	<u>330.288.527.529</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,37	0,04

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.667.641.053	78.206.835.985
Phải thu khách hàng và phải thu khác	195.687.121.855	229.429.810.163
Đầu tư dài hạn khác	15.491.864.726	15.543.898.546
Tổng cộng	<u>213.846.627.634</u>	<u>323.180.544.694</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	123.613.601.505	92.180.433.000
Phải trả người bán và phải trả khác	178.196.495.455	162.838.706.433
Chi phí phải trả	9.078.288.172	11.976.453.979
Tổng cộng	<u>310.888.385.132</u>	<u>266.995.593.412</u>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận hợp nhất trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ bị ảnh hưởng như sau:

	Tăng/(giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013		
VND	+200	(2.085.820.261)
VND	-200	2.085.820.261
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012		
VND	+200	(1.843.608.660)
VND	-200	1.843.608.660

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thương xuyên theo dõi diễn biến của thị trường để xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v... Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện xem xét khả năng suy giảm giá trị của các khoản đầu tư mà Công ty đang nắm giữ. Ngoại trừ khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam thì các cổ phiếu còn lại đã được Công ty đánh giá và trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 29. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn với số tiền 26.376.220.596 đồng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.667.641.053	-	2.667.641.053
Phải thu khách hàng và phải thu khác	195.687.121.855	-	195.687.121.855
Đầu tư dài hạn khác	-	15.491.864.726	15.491.864.726
	198.354.762.908	15.491.864.726	213.846.627.634
Các khoản vay	123.613.601.505	-	123.613.601.505
Phải trả người bán và phải trả khác	178.196.495.455	-	178.196.495.455
Chi phí phải trả	9.078.288.172	-	9.078.288.172
	310.888.385.132	-	310.888.385.132
Chênh lệch thanh khoản thuần	(112.533.622.224)	15.491.864.726	(97.041.757.498)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.206.835.985	-	78.206.835.985
Phải thu khách hàng và phải thu khác	229.429.810.163	-	229.429.810.163
Đầu tư dài hạn khác	-	15.543.898.546	15.543.898.546
	307.636.646.148	15.543.898.546	323.180.544.694
Các khoản vay	92.180.433.000	-	92.180.433.000
Phải trả người bán và phải trả khác	162.838.706.433	-	162.838.706.433
Chi phí phải trả	11.976.453.979	-	11.976.453.979
	266.995.593.412	-	266.995.593.412
Chênh lệch thanh khoản thuần	40.641.052.736	15.543.898.546	56.184.951.282

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, chênh lệch thanh khoản thuần ngắn hạn của Công ty là âm 97 tỷ đồng. Ban Giám đốc Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao nhưng cũng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn theo như trình bày tại Thuyết minh số 2.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Thi công các công trình xây lắp		
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	202.528.827.842	333.304.845.058
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	1.251.198.056	-
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	20.259.588.181	-
Mua hàng hoá , dịch vụ		
Công ty Cổ phần Xây Lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	2.018.702.952	1.363.865.251
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	2.359.823.318	2.098.772.192
Công ty Cảng dịch vụ Dầu khí - PTSC	524.224.599	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MÃ SỐ B 09-DN/HN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	2.434.968.277	4.421.108.277
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	51.719.997.412	52.454.367.496
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	31.683.638.964	31.683.638.964
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch	13.223.326.772	13.223.326.772
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	45.676.089.664	21.876.738.264
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	13.317.843.036	16.317.843.036
Tổng Công ty Khí Việt Nam- Công ty Cổ phần	16.741.905.988	41.413.278.703
Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	6.396.801.083	9.708.152.456
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	11.879.300.967	5.513.615.500
Trung tâm Ứng phó Sự cố Trần dầu Khu vực Miền Nam	2.000.000.000	7.421.290.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu Khí	2.068.344.626	196.013.066
	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	7.459.604.837	7.459.604.837
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim - PVC	1.132.780.391	1.132.780.391
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	1.070.267.659	1.070.267.659
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	2.057.223.247	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	1.284.367.700	403.788.750
	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	5.623.682.138	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	1.667.742.597	1.667.742.597
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam - Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu	782.906.701	782.906.701
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	124.281.632.728	265.268.936.981
Phải trả khác		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	33.814.243.656	33.814.243.656
Phải trả cổ tức	33.310.000.000	33.310.000.000
Phải trả khác	504.243.656	504.243.656
Phải thu khác		
Công ty TNHH MTV Công Nghiệp Tàu thủy Dung Quất	7.212.893.029	7.212.893.029

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MÃ SỐ B 09-DN/HN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.413.168.863	1.259.486.868
	1.413.168.863	1.259.486.868

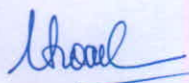
30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

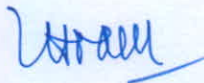
Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được soát xét.

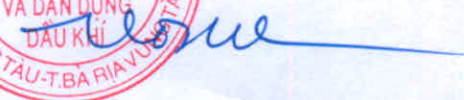


Nguyễn Thị Hoan
Người lập biểu

Ngày 27 tháng 8 năm 2013



Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng

Hồ Sỹ Hoàng
Giám đốc